SỞ GD & ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ
Số: 20 /QĐ- THPTHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công khai danh sách nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2025

Căn cứ điều lệ trường trung học cơ sở, trường phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGD ĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGG ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT BTC ngày 28/9/2018 Sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào danh sách nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề năm 2025 của trường THPT Hoành Bồ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Công bố công khai danh sách nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên nghề và phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2025 của Trường THPT Hoành Bồ.*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Địa điểm công khai phòng họp hội đồng, bảng thông báo, trang website của nhà trường.

Điều 3.Các ông (bà) Ban giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Giáo dục QN;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNH BỒ

Nguyễn Thị Định

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HOÀNH BỒ

TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ

DANH SÁCH NÂNG PCTNN NĂM 2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã ngạch	Tỷ lệ	Ngày tháng hưởng	Tỷ lệ	Ngày tháng nâng lần sau	Ghi chú
1	Phạm Thị Hồng Hiên	09/22/1976	V07.05.14	13%	01/01/2024	14%	01/01/2025	Sở ra QĐ
2	Lê Thị Hương Giang	24/10/1986	V07.05.15	12%	01/01/2024	13%	01/01/2025	
3	Dương Phương Thảo	26/11/1988	V07.05.15	12%	01/01/2024	13%	01/01/2025	
4	Lê Thanh Huệ	10/12/1991	V07.05.15	7%	01/02/2024	8%	01/02/2025	
5	Nguyễn Thị Thu Hà	27/07/1976	V07.05.14	20%	01/04/2024	21%	01/04/2025	Sở ra QĐ
6	Phạm Thị Hiên	19/04/1980	V07.05.15	17%	01/05/2024	18%	01/05/2025	
7	Trần Đăng Huỳnh	11/03/1987	V07.05.14	13%	01/06/2024	14%	01/06/2025	Sở ra QĐ
8	Đỗ Thị Hiên	05/03/1990	V07.05.15	10%	01/06/2024	11%	01/06/2025	
9	Đặng Thị Trang	21/08/1985	V07.05.15	13%	01/06/2024	14%	01/06/2025	
10	Nguyễn Thị Bích Thảo	23/08/1974	V07.05.15	26%	01/08/2024	27%	01/08/2025	
11	Bùi Thị Thu Huyền	03/10/1982	V07.05.14	19%	01/09/2024	20%	01/09/2025	Sở ra QĐ
12	Phạm Văn Tuân	22/09/1981	V07.05.14	20%	01/09/2024	21%	01/09/2025	Sở ra QĐ
13	Nguyễn Thị Vóc	19/02/1978	V07.05.14	22%	01/09/2024	23%	01/09/2025	Sở ra QĐ
14	Tô Hải Bình	19/07/1979	V07.05.14	22%	01/09/2024	23%	01/09/2025	Sở ra QĐ
15	Tô Thị Nam Mai	10/10/1979	V07.05.14	22%	01/09/2024	23%	01/09/2025	Sở ra QĐ
16	Đoàn Thị Thu Hường	26/08/1981	V07.05.14	19%	01/09/2024	20%	01/09/2025	Sở ra QĐ
17	Nguyễn Thu Thu Hà	29/12/1981	V07.05.15	19%	01/09/2024	20%	01/09/2025	
18	Phạm Thị Định	02/09/1980	V07.05.15	21%	01/09/2024	22%	01/09/2025	
19	Dương Tuyết Lan	07/05/1977	V07.05.15	21%	01/09/2024	22%	01/09/2025	
20	Đỗ Thị Phương Thảo	05/03/1979	V07.05.15	22%	01/09/2024	23%	01/09/2025	
21	Nguyễn Hồng Thắm	22/04/1980	V07.05.15	21%	01/09/2024	22%	01/09/2025	
22	Bùi Thị Thu Hà	09/08/1980	V07.05.15	20%	01/09/2024	21%	01/09/2025	
23	Nguyễn Thị Oanh	21/03/1980	V07.05.15	20%	01/09/2024	21%	01/09/2025	
24	Nguyễn Thị Hương	31/01/1982	V07.05.15	19%	01/09/2024	20%	01/09/2025	
25	Đỗ Thanh Hương	25/08/1980	V07.05.15	20%	01/09/2024	21%	01/09/2025	
26	Nguyễn Thị Thúy Hiền	27/12/1981	V07.05.15	17%	01/09/2024	18%	01/09/2025	
27	Phạm Thị Thu Trang	15/06/1984	V07.05.15	16%	01/09/2024	17%	01/09/2025	
28	Đào Huy Thắng	15/12/1974	V07.05.15	15%	01/09/2024	16%	01/09/2025	
29	Nguyễn Thị Ngân Thủy	01/03/1988	V07.05.15	13%	01/09/2024	14%	01/09/2025	
30	Mạc Thị Mai Hiền	23/01/1973	V07.05.15	21%	01/09/2024	22%	01/09/2025	
31	Đồng Thị Ánh Tuyết	08/06/1989	V07.05.15	11%	01/10/2024	12%	01/10/2025	
32	Tạ Thị Vân Anh	21/07/1977	V07.05.15	24%	01/10/2024	25%	01/10/2025	
33	Trần Thị Hải Như	12/04/1979	V07.05.15	19%	01/10/2024	20%	01/10/2025	
34	Lường Thị Huyền Mai	07/11/1983	V07.05.15	16%	01/10/2024	17%	01/10/2025	
35	Đào Viết Hoạt	07/04/1985	V07.05.15	16%	01/10/2024	17%	01/10/2025	
36	Ngô Thị Hiền	06/03/1985	V07.05.15	15%	01/10/2024	16%	01/10/2025	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã ngạch	Tỷ lệ	Ngày tháng hưởng	Tỷ lệ	Ngày tháng nâng lần sau	Ghi chú
37	Nguyễn Đức Cảnh	16/08/1981	V07.05.14	17%	01/10/2024	18%	01/10/2025	Sở ra QĐ
38	Nguyễn Thị Định	02/01/1975	V07.05.13	22%	01/10/2024	23%	01/10/2025	Sở ra QĐ
39	Lê Anh Hiệp	25/03/1985	V07.05.15	17%	01/10/2024	18%	01/10/2025	
40	Phạm Lệ Quỳnh Trang	14/03/1989	V07.05.15	10%	01/10/2024	11%	01/10/2025	
41	Phạm Thị Thanh Hoa	03/07/1982	V07.05.15	19%	01/11/2024	20%	01/11/2025	
42	Trần Thị Thu Hà	27/05/1980	V07.05.15	19%	01/11/2024	20%	01/11/2025	
43	Đỗ Trọng Thế	08/02/1975	V07.05.15	25%	01/12/2024	26%	01/12/2025	Sở ra QĐ
44	Vũ Duy Hoàng	23/09/1992	V07.05.15	8%	01/12/2024	9%	01/12/2025	

TRƯỜNG THPT HOÀNH BỒ

THEO DÕI NÂNG LƯƠNG NĂM 2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã ngạch	Bậc	Hệ số	Vượt khung	Ngày tháng hưởng	Bậc	Hệ số	Vượt khung	Ngày tháng nâng lần sau	Ghi chú
1	Phạm Lệ Quỳnh Trang	14/03/1989	V07.05.15	4	3,33		01/01/2022	5	3,66		01/01/2025	
2	Tô Hải Bình	19/07/1979	V07.05.14	3	4,68		01/02/2022	4	5,02		01/02/2025	Sở ra QĐ
3	Trần Thị Huyền	10/05/1978	V06.032	7	3,96		01/02/2022	8	4,27		01/02/2025	
4	Nguyễn Thị Bích Thảo	23/08/1974	V07.05.15	9	4,98		01/09/2022	9	4,98	5%	01/09/2025	
5	Nguyễn Đức Cảnh	16/08/1981	V07.05.14	2	4,34		01/10/2022	3	4,68		01/10/2025	Sở ra QĐ
6	Trần Thị Thu Hà	27/05/1980	V07.05.15	7	4,32		01/10/2022	8	4,65		01/10/2025	
7	Nguyễn Thị Định	02/01/1975	V07.05.13	5	5,76		01/11/2022	6	6,1		01/11/2025	Sở ra QĐ
8	Nguyễn Hồng Thắm	22/04/1980	V07.05.15	8	4,65		01/12/2022	9	4,98		01/12/2025	
9	Nguyễn Thị Hương	31/01/1982	V07.05.15	7	4,32		01/12/2022	8	4,65		01/12/2025	
10	Phạm Thị Thu Trang	15/06/1984	V07.05.15	6	3,99		01/12/2022	7	4,32		01/12/2025	
11	Vũ Duy Hoàng	23/09/1992	V07.05.15	3	3,00		01/12/2022	4	3,33		01/12/2025	
12	Đỗ Trọng Thế	08/02/1975	V07.05.15	9	4,98	5%	01/12/2024	9	4,98	6%	01/12/2025	Sở ra QĐ